

Số: 197/2024/QĐST-HNGĐ

G, ngày 31 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 168/2023/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 5 năm 2024, về việc: Ly hôn, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Chị NTN, sinh năm 1988; đkhkt: Thôn YV, xã YV, huyện G, thành phố H.

*Bị đơn:* Anh DXN, sinh năm 1986; đkhkt: Thôn YV, xã YV, huyện G, thành phố H.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án kèm theo;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2024.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 5 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị NTN, sinh năm 1988 và anh DXN, sinh năm 1986.

2. Công nhận sự thoả thuận của chị NTN và anh DXN, cụ thể như sau:

2.1. Về con chung:

Chị N và anh N1 cùng xác định anh chị có 03 con chung là cháu DQT, sinh ngày 28/3/2008; cháu DTĐ, sinh ngày 03/6/2010 và cháu DNGH, sinh ngày 14/9/2017.

Giao cháu DQT, cháu DTĐ và cháu DNGH cho chị N là mẹ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc; ghi nhận sự tự nguyện của anh N1 đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con cho chị N là 2.700.000 đồng/mỗi con/tháng kể từ tháng 6 năm 2024 đến khi cháu Trung, cháu Đức, cháu Hân trưởng thành, đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác về nuôi con, cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Không ai được ngăn cản việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung và nợ chung vợ chồng: Chị N và anh N1 không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xét.

2.3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ghi nhận sự tự nguyện của chị N chịu 150.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con sơ thẩm, được khấu trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí mà chị Duyên đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí ký hiệu: BLTU/23 số 0004169 ngày 23 tháng 5 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện G;
- Chi cục THADS huyện G;
- UBND xã YV, huyện G (GCNKH số 31/2007);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Minh Ngọc**